

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:05/2021/HS-ST

Ngày: 29 - 01- 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Mừng

- Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Vi Văn M- Sinh năm 1987, tại bản P, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th; Nơi cư trú: bản P, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vi Văn Ph và bà Cao Thị L; Vợ: Hà Thị H (đã ly hôn) có 02 con.

Tiền án; Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/11/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ- Công an huyện Quan Hóa.Có mặt

- Bị hại: bà Phạm Thị D - sinh năm 1966. Hiện đang trú tại bản P, xã Ph, huyện Q, tỉnh Th. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 03/11/2020 Công an xã Ph nhận được đơn trình báo của bà Phạm Thị D sinh năm 1966, trú tại bản P xã Ph, huyện Q về việc: Sáng ngày 03/11/2020 gia đình chị đi ăn đám cưới trong bản, đến khoảng 11 giờ chị về nhà thì phát hiện, bị mất số tài sản là 04 chỉ vàng (gồm: 01 nhẫn 02 chỉ, 01 nhẫn 01 chỉ, 02 nhẫn 0,5 chỉ) chị cất ở trong tủ. Sau khi tiếp nhận đơn Công an xã Phú Thanh phối hợp với Công an huyện Q tiến hành các biện pháp nghiệp vụ xác minh. Đến 18 giờ 00 ngày 03/11/2020, Vi Văn M đã đến Công an xã Ph đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Vi Văn M đã khai nhận hành vi phạm tội như sau: Vi Văn M là người nghiện ma túy, đang được điều trị bằng Methadone tại Trạm y tế xã Th, huyện Q. Sau khi đi uống Methadone tại Trạm y tế xã Th trở về nhà vào khoảng 9 giờ sáng ngày 03/11/2020, Vi Văn M quan sát nhà chị Phạm Thị D là hàng xóm ở gần nhà đi ăn đám cưới trong làng, không có ai ở nhà. Vi Văn M đã lén lút vào nhà chị D lấy trộm 04 nhẫn vàng cất trong tủ quần áo (gồm: 01 nhẫn 02 chỉ, 01 nhẫn 01 chỉ, 02 nhẫn 0,5 chỉ). Sau khi trộm cắp số vàng trên, Vi Văn M đem về chôn giấu 03 chiếc nhẫn dưới đất cạnh bể nước gần bếp ăn của gia đình. Sau đó Vi Văn M mang 01 chiếc nhẫn loại 01 chỉ đem bán cho một người phụ nữ tên L ở tại xã V, huyện M, tỉnh H với giá 2.700.000đ (Hai triệu, bảy trăm ngàn đồng), M nhận tiền mặt với người phụ nữ tên L 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) và 02 gói ma túy tương đương với 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), M mang về nhà và đã sử dụng hết. Còn 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng) M mang về nhà cất giấu trong phòng ngủ.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ và tiến hành trưng cầu giám định, định giá đối với số vật chứng tại nhà ở của Vi Văn M: 03 chiếc nhẫn kim loại màu vàng gồm: 01 (một) chiếc nhẫn bên trong có chữ “MNTT 9999 2”; 01 (một) chiếc nhẫn bên trong có chữ “MNTTVC 9999 0,5”; 01 (một) chiếc nhẫn bên trong có chữ “MNTTVC 9999 ” và số tiền 2.500.000đ, (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng”.

-Tại bản kết luận giám định số 7878/C09-P4 ngày 13/11/2020, của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong có chữ và số “MNTT 9999 2” có khối lượng 7,50 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,67%.

01 chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có chữ và số “MNTTVC 9999 0,5 ” có khối lượng 1,87 gam là vàng (Au) hàm lượng Au: 99,76%.

01 chiếc nhẫn tròn trơn bằng kim loại màu vàng, mặt trong có chữ và số “MNTTVC 9999 ” có khối lượng 1,87 gam là vàng (Au) hàm lượng Au: 99,70%.

-Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/HĐ-ĐGTS ngày 09/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Quan Hóa kết luận:

01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong có bên trong có chữ MNTT 9999 2” (trọng lượng 2 chỉ): $02 \times 5.100.000đ = 10.200.000đ$.

01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng loại 9999 (trọng lượng 1 chỉ): $01 \text{ chỉ} \times 5.100.000đ = 5.100.000đ$

01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong có chữ MNTTVC 9999 0,5 (trọng lượng 0,5 chỉ): $5,5 \text{ chỉ} \times 5.100.000 = 2.550.000đ$.

01 (một) chiếc nhẫn kim loại màu vàng bên trong có chữ MNTTVC 9999 (trọng lượng 0,5 chỉ): $0,5 \times 5.100.000đ = 2.550.000đ$.

Tổng giá trị tài sản thiệt hại là: 20.400.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Vật chứng của vụ án: 03 (ba) chiếc nhẫn tròn bằng vàng; 2.500.000đ VNĐ, 01 mặt trăn tử bằng gỗ, 01 túi giả da màu bạc, 02 hộp nhựa màu đỏ.

Trong quá trình điều tra xét thấy việc trả lại cho bị hại không ảnh hưởng đến việc điều tra vụ án, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Phạm thị Dạt.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình Vi Văn M đã bồi thường cho chị Phạm Thị D số tiền 2.500.00đ. Về phần dân sự chị Phạm Thị D không có đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về Kết luận định giá.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSQH- HS ngày 04 tháng 01 năm 2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Vi Văn Mai về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1 điều 51; điều 65 BLHS 2015

Xử phạt bị cáo Vi Văn M từ 12 đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra, Đại diện Viện Kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết những vấn đề khác trong vụ án như xử lý về án phí.

Ý kiến của đại diện bị hại: Bị hại đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với báo cáo của bị hại, Kết luận định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi lén lút vào nhà bị hại Phạm Thị Dạt trộm cắp 04 (bốn) chiếc nhẫn vàng (04 chỉ vàng) với giá trị tài sản là 20.400.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ căn cứ khoản 1 Điều 173 BLHS 2015. Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân được pháp luật bảo vệ; làm phức tạp tình hình an ninh, trật tự tại địa phương; gây hoang mang, phần nộ trong quần chúng nhân dân. bị cáo ý thức rõ được hành vi của mình bị pháp luật ngăn cấm, nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. bị cáo ra đầu thú; Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo tác động với gia đình bồi thường cho bị hại số tiền 2.500.000đ; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại Phạm Thị D có đơn xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần áp dụng các quy định tại điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Đối chiếu với quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán;* bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo.

[6] *Về hình phạt chính:* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội; mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ để bị cáo nhận ra lỗi lầm, tích cực cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, do đó không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] *Về bồi thường dân sự:*

+ Bị hại không có yêu cầu gì HĐXX miễn xét.

[9] *Về các tình tiết khác trong vụ án:*

+ Áp dụng khoản 4 điều 328; điều 125, điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tuyên hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho bị cáo cho bị cáo Vi Văn Mai tại phiên tòa.

[10] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội;

1. *Tuyên:* Bị cáo **Vi Văn M** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

2. *Xử phạt:* Bị cáo Vi Văn M 13 (Mười ba) tháng tù. Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 26 (hai mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Quan Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. *Về hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho bị cáo:* áp dụng điểm d khoản 1 điều 125; Điều 326; khoản 4 điều 328 BLTTHS tuyên hủy bỏ biện pháp tạm giam và trả tự do cho bị cáo Vi Văn Mai tại phiên tòa.

4. *Về án phí:* Bị cáo Vi Văn M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, bị hại. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ nội dung bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày) kể từ tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại
- VKSND huyện Quan Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Thanh Hóa;;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lữ Thị Mai